

Số: 191/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 04 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 163/2022/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Người yêu cầu: Anh Lê Bá H, sinh năm 1974.

Trú tại: Số nhà 18, tổ 3, Thôn Tây Trì Nhơn, phường Phú Thượng, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

+ Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Duy T, sinh năm 1978.

Trú tại: Số nhà 18, tổ 3, Thôn Tây Trì Nhơn, phường Phú Thượng, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Bá H và chị Nguyễn Thị Duy T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thượng (nay là Phường Phú Thượng), thành phố H vào ngày 30/03/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà bố mẹ của anh H cho đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 20 năm đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, mỗi người có một cách sống riêng, nên vợ chồng sống ly thân đến nay đã gần 3 năm và không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, anh H và chị T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Lê Bá H và chị Nguyễn Thị Duy T có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Minh P, sinh ngày 27/6/2001 và Lê Bá P, sinh ngày 08/7/2004.

Hiện nay, cháu P đang ở với anh H.

Nay anh chị thuận tình ly hôn, hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận về con chung như sau: Giao cháu Lê Bá P, sinh ngày 08/7/2004 cho anh Lê Bá H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (18 tuổi).

Riêng cháu Lê Nguyễn Minh P, sinh ngày 27/6/2001 đã trưởng thành nên bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với ai là tùy ý. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con, nên chị T không cấp dưỡng tiền nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Bá H và chị Nguyễn Thị Duy T cùng công nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Bá H và chị Nguyễn Thị Duy T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nH được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003100 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Nay anh H và chị T không phải nộp nữa.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (Ngày 26/4/2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Bá H và chị Nguyễn Thị Duy T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê Bá H và chị Nguyễn Thị Duy T có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Minh P, sinh ngày 27/6/2001 và Lê Bá P, sinh ngày 08/7/2004. Hiện nay, cháu P đang ở với anh H.

Nay anh chị thuận tình ly hôn, hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận về con chung như sau: Giao cháu Lê Bá P, sinh ngày 08/7/2004 cho anh Lê Bá H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (18 tuổi).

Riêng cháu Lê Nguyễn Minh P, sinh ngày 27/6/2001 đã trưởng thành nên bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với ai là tùy ý. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con, nên chị T không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Bá H và chị Nguyễn Thị Duy T cùng công nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Bá H và chị Nguyễn Thị Duy T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nH được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003100 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Nay anh H và chị T không phải nộp nữa.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. H;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND xã Phú Thượng(nay là P Phú Thượng)(Đăng ký kết hôn số 07,Quyển số 01 ngày 30/3/2000);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê